

Đắk Nông, ngày 15 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình
mục tiêu quốc gia năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính, quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-BKHĐT ngày 21/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh, về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 39/HĐND-VP ngày 09/3/2018 của Thường trực HĐND tỉnh, về việc thống nhất giao dự toán kế hoạch vốn các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2018;



Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 22/TTr-SKH ngày 12 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn năm 2018 cho các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018, chi tiết như Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài chính thông báo và lập thủ tục cấp phát kinh phí nêu trên cho các cơ quan, đơn vị và thông báo cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới; Kho bạc Nhà nước Đắk Nông kiểm soát, thanh toán cho các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định hiện hành.

2. Trên cơ sở vốn được giao, UBND các huyện, thị xã tiến hành các bước: Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ, về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời gửi quyết định phân bổ vốn về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để kiểm tra theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, VX, NN, KTKH(Hg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Chữ ký]
Trần Xuân Hải

24

Phụ lục số 01

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 372/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2018			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn NSTW	Vốn NSDP	
	TỔNG CỘNG	84.403	84.403		
I	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (MS: 0390)	53.300	53.300		
01	Huyện Cư Jút	4.039	4.039	-	Phân cấp cho cấp huyện
02	Huyện Đắk Mil	5.101	5.101	-	
03	Huyện Đắk Song	4.411	4.411	-	
04	Huyện Tuy Đức	11.160	11.160	-	
05	Huyện Đắk Glong	14.879	14.879	-	
06	Huyện Krông Nô	6.005	6.005	-	
07	Huyện Đắk R'lấp	6.111	6.111	-	
08	Thị xã Gia Nghĩa	1.594	1.594	-	
II	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG (MS: 0010)	31.103	31.103	-	
01	Huyện Cư Jút	2.299	2.299	-	Phân cấp cho cấp huyện (chi tiết tại Phụ lục số 03)
02	Huyện Đắk Mil	1.791	1.791	-	
03	Huyện Đắk Song	1.825	1.825	-	
04	Huyện Tuy Đức	7.862	7.862	-	
05	Huyện Đắk Glong	8.395	8.395	-	
06	Huyện Krông Nô	4.651	4.651	-	
07	Huyện Đắk R'lấp	4.280	4.280	-	

[Handwritten mark]

[Handwritten signature]

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 372 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư, cơ quan quản lý sử dụng	Kế hoạch 2018		Ghi chú
			Tổng số	NSTW	
	TỔNG CỘNG		33.145	33.145	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG NÔNG THÔN MỚI (MS: 0390)		21.000	21.000	
1	Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở		1.500	1.500	
1.1	Huyện Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	300	300	Phân cấp cho UBND các huyện, thị xã (ưu tiên các xã đạt NTM năm 2018)
1.2	Huyện Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	300	300	
1.3	Huyện Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	600	600	
1.4	Thị xã Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa	300	300	
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm		2.160	2.160	
2.1	Huyện Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	270	270	Phân cấp cho UBND các huyện, thị xã
2.2	Huyện Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	270	270	
2.3	Huyện Đắk Song	UBND huyện Đắk Song	270	270	
2.4	Huyện Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	270	270	
2.5	Huyện Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	270	270	
2.6	Huyện Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	270	270	
2.7	Huyện Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	270	270	
2.8	Thị xã Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa	270	270	
3	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã	Liên minh hợp tác xã tỉnh	560	560	
4	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn		2.820	2.820	
4.1	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn		2.700	2.700	
-	Huyện Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	300	300	Phân cấp cho UBND các huyện, thị xã
-	Huyện Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	400	400	
-	Huyện Đắk Song	UBND huyện Đắk Song	400	400	
-	Huyện Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	400	400	
-	Huyện Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	300	300	
-	Huyện Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	300	300	
-	Huyện Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	300	300	
-	Thị xã Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa	300	300	
4.2	Công tác, điều tra, kiểm tra, giám sát	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	120	120	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư, cơ quan quản lý sử dụng	Kế hoạch 2018		Ghi chú
			Tổng số	NSTW	
5	Phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học		2.700	2.700	
5.1	Huyện Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	350	350	Phân cấp cho UBND các huyện, thị xã
5.2	Huyện Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	350	350	
5.3	Huyện Đắk Song	UBND huyện Đắk Song	350	350	
5.4	Huyện Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	350	350	
5.5	Huyện Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	350	350	
5.6	Huyện Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	350	350	
5.7	Huyện Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	350	350	
5.8	Thị xã Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa	250	250	
6	Đào tạo cán bộ công chức cấp xã	Sở Nội vụ	400	400	
7	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn mới		2.370	2.370	
7.1	Huyện Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	310	310	Phân cấp cho UBND các huyện, thị xã
7.2	Huyện Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	310	310	
7.3	Huyện Đắk Song	UBND huyện Đắk Song	310	310	
7.4	Huyện Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	310	310	
7.5	Huyện Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	310	310	
7.6	Huyện Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	310	310	
7.7	Huyện Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	310	310	
7.8	Thị xã Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa	200	200	
8	Giữ vững quốc phòng an ninh và trật tự xã hội	Công an tỉnh	500	500	Công an tỉnh có trách nhiệm phân khai về cho công an cấp huyện, xã
9	Xây dựng cuộc vận động "xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"	Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh	300	300	
10	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, truyền thông về xây dựng nông thôn mới		2.560	2.560	
10.1	Đào tạo, tập huấn, Tuyên truyền về nông thôn mới	Sở NN&PTNT (Văn phòng điều phối NTM)	600	600	
10.2	Kiểm tra lập kế hoạch đầu tư cấp xã chương trình MTQG, NQ28, 29 của HĐND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	100	
10.3	Nâng cấp, duy trì hoạt động trang thông tin điện tử nông thôn mới	Sở NN&PTNT (Văn phòng điều phối NTM)	60	60	
10.4	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới		1.800	1.800	
-	Huyện Cư Jút	BCĐ huyện Cư Jút	250	250	Phân cấp cho UBND các huyện, thị xã
-	Huyện Đắk Mil	BCĐ huyện Đắk Mil	250	250	
-	Huyện Đắk Song	BCĐ huyện Đắk Song	200	200	
-	Huyện Tuy Đức	BCĐ huyện Tuy Đức	200	200	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư, cơ quan quản lý sử dụng	Kế hoạch 2018		Ghi chú
			Tổng số	NSTW	
-	Huyện Đắk Glong	BCĐ huyện Đắk Glong	200	200	
-	Huyện Krông Nô	BCĐ huyện Krông Nô	250	250	
-	Huyện Đắk R'lấp	BCĐ huyện Đắk R'lấp	300	300	
-	Thị xã Gia Nghĩa	BCĐ Thị xã Gia Nghĩa	150	150	
11	Ban chỉ đạo và Văn phòng điều phối các cấp		1.130	1.130	
11.1	Ban chỉ đạo Chương trình Nông thôn mới cấp tỉnh	Sở NN&PTNT (Văn phòng điều phối NTM)	610	610	
11.2	Ban chỉ đạo huyện, thị xã và tổ giúp việc		520	520	
-	Huyện Cư Jút	BCĐ huyện Cư Jút	60	60	Phân cấp cho UBND các huyện, thị xã
-	Huyện Đắk Mil	BCĐ huyện Đắk Mil	70	70	
-	Huyện Đắk Song	BCĐ huyện Đắk Song	70	70	
-	Huyện Tuy Đức	BCĐ huyện Tuy Đức	55	55	
-	Huyện Đắk Glong	BCĐ huyện Đắk Glong	60	60	
-	Huyện Krông Nô	BCĐ huyện Krông Nô	90	90	
-	Huyện Đắk R'lấp	BCĐ huyện Đắk R'lấp	80	80	
-	Thị xã Gia Nghĩa	BCĐ Thị xã Gia Nghĩa	35	35	
12	Vốn duy tu bảo dưỡng		4.000	4.000	
12.1	Huyện Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	350	350	Phân cấp cho UBND các huyện, thị xã
12.2	Huyện Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	350	350	
12.3	Huyện Đắk Song	UBND huyện Đắk Song	350	350	
12.4	Huyện Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	700	700	
12.5	Huyện Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	900	900	
12.6	Huyện Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	700	700	
12.7	Huyện Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	500	500	
12.8	Thị xã Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa	150	150	
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG (MS: 0010)		12.145	12.145	
1	Chương trình 135		10.537	10.537	Chi tiết tại Phụ lục 3
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và chương trình 135		684	684	
2.1	Huyện Cư Jút	UBND huyện Cư Jút	91	91	Phân cấp cho UBND các huyện, thị xã
2.2	Huyện Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	103	103	
2.3	Huyện Đắk Song	UBND huyện Đắk Song	91	91	
2.4	Huyện Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	221	221	
2.5	Huyện Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	138	138	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư, cơ quan quản lý sử dụng	Kế hoạch 2018		Ghi chú
			Tổng số	NSTW	
2.6	Thị xã Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa	40	40	
3	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		476	476	
3.1	Truyền thông về giảm nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	238	238	
3.2	Giảm nghèo về thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	238	238	
4	Nâng cao năng lực và đánh giá thực hiện chương trình	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	448	448	

[Handwritten mark]

[Handwritten signature]



Phụ lục số 03

KẾ HOẠCH CHI TIẾT VỐN CHƯƠNG TRÌNH 135 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 372/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Huyện, thị xã	Vốn đầu tư phát triển				Vốn sự nghiệp				Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Hỗ trợ phát triển sản xuất		Đào tạo tập huấn	Duy tu, bảo dưỡng		Nhân rộng mô hình giảm nghèo
			Xã	Thôn, bon		xã	thôn, bon				
1	Huyện Đắk R'lấp	4.280	-	4.280	1.715	-	1.250	195	270	-	25 thôn, bon
2	Huyện Krông Nô	4.651	-	4.651	1.853	-	1.350	210	293	-	27 thôn, bon
3	Huyện Đắk Glong	8.395	8.395	-	1.929	1.400	-	-	529	-	7 xã
4	Huyện Tuy Đức	7.862	7.862	-	1.695	1.200	-	-	495	-	6 xã
5	Huyện Cư Jút	2.299	738	1.561	862	200	450	67	145	-	1 xã, 9 thôn
6	Huyện Đắk Mil	1.791	892	899	798	400	250	38	110	-	2 xã, 5 thôn
7	Huyện Đắk Song	1.825	941	884	803	400	250	38	115	-	2 xã, 5 thôn
8	Ban Dân tộc tỉnh	-	-	-	382	-	-	382	-	-	18 xã
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	-	-	-	500	-	-	-	-	500	
Tổng cộng		31.103	18.828	12.275	10.537	3.600	3.550	930	1.957	500	

ĐẮK NÔNG